

THÔNG TƯ

Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm kê di tích, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm kê di tích, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ kiểm kê di tích, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công);

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Khuyến khích cơ quan, tổ chức ngoài công lập có triển khai dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư này là mức tối đa, bao gồm các hao phí nhân công, máy móc, thiết bị và vật liệu sử dụng để hoàn thành thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

2. Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của các Bảng định mức được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của Bảng định mức áp dụng theo Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa; Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch;

b) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL và Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL thì áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Trường hợp hạng, bậc của chức danh lao động thực tế không như quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này thì cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công xem xét, áp dụng hạng, bậc lao động tương đương hoặc hạng, bậc của chức danh lao động đang làm việc và mức hao phí theo thực tế. Trong các trường hợp này phải bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá chi phí nhân công tính từ định mức tại Thông tư này;

d) Đối tượng là công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia triển khai các thành phần công việc trong quy trình cung cấp dịch vụ

sự nghiệp công không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Thông tư này.

3. Đối với các chi phí khác phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện như sau:

a) Đối với các chi phí khác liên quan đến dịch vụ kiểm kê di tích, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, gồm: Mua tài liệu, dịch tài liệu, in ấn, sao chụp tài liệu; lập và in ấn bản đồ, bản vẽ kỹ thuật khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích, bản vẽ kỹ thuật di tích; thiết bị lưu trữ thông tin tài liệu; thuê dựng phim, in ảnh, xây dựng album ảnh; thuê chuyên gia nghiên cứu, tư vấn, lập hồ sơ khoa học di tích, nhận diện, xác định giá trị di tích; chi phí công tác phí; chi phí giám định di vật, cổ vật; chi phí tổ chức tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho các đối tượng tham gia kiểm kê di tích; chi phí tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện hồ sơ kiểm kê di tích, hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; chi phí sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dụng và các chi phí phát sinh khác, các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng theo mức chi đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Trường hợp không có quy định mức chi cụ thể thì căn cứ vào hợp đồng, hoá đơn, chứng từ hoặc lập dự toán riêng đối với công đoạn phát sinh ngoài định mức này để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Đối với các khoản chi phí thực tế, các dịch vụ thuê mướn, mua bán khác thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước. Đối với các nội dung chi trả dịch vụ nếu thuộc hạn mức phải đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 3. Nội dung, kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí nhân công: là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các hạng, bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn của dịch vụ sự nghiệp công, được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (08 giờ) của người lao động theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật Lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng tỷ lệ 15% của tổng hao phí lao động trực tiếp tương ứng;

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: là thời gian sử dụng cần thiết từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng trên tổng thời gian khấu hao máy với 01 ngày làm việc (08 giờ) theo quy định tại Điều 105 của Bộ luật Lao động;

c) Hao phí vật liệu sử dụng: là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao

phí vật liệu phụ được tính bằng tỷ lệ 10% tổng giá trị hao phí vật liệu trong cùng Bảng định mức.

2. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Tên định mức;

b) Mô tả nội dung công việc: là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức, bao gồm:

- Định mức hao phí nhân công: chức danh và hạng, bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Định mức hao phí vật liệu sử dụng: tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Trị số định mức hao phí: là giá trị tính bằng số của thời gian thực hiện thực tế trên hao phí nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng, vật liệu sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

- Ghi chú: là nội dung hướng dẫn cách tính định mức trong điều kiện kỹ thuật khác nhau hoặc để hoàn thành một khối lượng công việc khác với đơn vị tính tại Bảng định mức.

Điều 4. Các định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông tư này, cụ thể:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm kê di tích.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công kèm theo Thông tư này, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan xem xét, quyết định áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật cụ thể phù hợp với điều kiện của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý.

2. Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai cung ứng dịch vụ sự nghiệp công có liên quan, căn cứ điều kiện thực tiễn, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VH-TT-DL;
- Các Cục, Vụ, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VH-TT-DL;
- Các Sở VH-TT-DL, Sở VH-TT;
- Công báo; Cổng TTĐT của Chính phủ; Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ VH-TT-DL;
- Lưu: VT, DSVH. NĐD.300.



BỘ TRƯỞNG

Lâm Thị Phương Thanh

Phụ lục
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ KIỂM KÊ DI TÍCH,
LẬP HỒ SƠ KHOA HỌC ĐỀ NGHỊ XẾP HẠNG DI TÍCH
LỊCH SỬ - VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BVHTTDL
ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm kê di tích

1.1. Mô tả thành phần công việc

Cho 01 di tích kiểm kê

TT	Nội dung công việc	Hạng, bậc di sản viên tham gia
1	Thu thập, tổng hợp thông tin liên quan đến di tích được kiểm kê	Di sản viên hạng III (bậc 1) và tương đương
2	Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho các đối tượng tham gia kiểm kê di tích	Di sản viên hạng III (bậc 4) và tương đương
3	Khảo sát điền dã, thu thập tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê di tích	Di sản viên hạng III (bậc 1) và tương đương
4	Lập hồ sơ kiểm kê di tích	
a	Thu thập và hoàn thiện Phiếu kiểm kê di tích theo Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 04/TT-BVHTTDL ngày 13/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Di sản viên hạng III (bậc 3) và tương đương
b	Lập Bản vẽ kỹ thuật khoanh vùng khu vực bảo vệ di tích	Di sản viên hạng III (bậc 3) và tương đương
c	Chụp ảnh màu khảo tả di tích, hiện vật thuộc di tích	Di sản viên hạng III (bậc 1) và tương đương
d	Thực hiện việc ghi âm, ghi hình di tích kiểm kê	Di sản viên hạng III (bậc 1) và tương đương
đ	Lập hồ sơ kiểm kê di tích	Di sản viên hạng III (bậc 4) và tương đương
5	Lấy ý kiến góp ý, hoàn thiện hồ sơ kiểm kê di tích	Di sản viên hạng III (bậc 3) và tương đương
6	Hoàn thiện hồ sơ kiểm kê di tích	Di sản viên hạng III (bậc 4) và tương đương

1.2. Bảng định mức

Đơn vị tính: 01 di tích kiểm kê

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Di sản viên Hạng III (bậc 1)	Công	9
	Di sản viên Hạng III (bậc 3)	Công	9
	Di sản viên Hạng III (bậc 4)	Công	11
	Nhân công lao động gián tiếp (<i>tương đương 15%</i>)		
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
	Máy in Laser A4	Ca	Theo thực tế
	Máy ảnh kỹ thuật số	Ca	Theo thực tế
	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
	Thiết bị lưu trữ	Cái	Theo thực tế
3	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
	Giấy in	Tờ	Theo thực tế
	Mực in	Hộp	Theo thực tế
	Vật liệu phụ (<i>tương đương 10%</i>)		

Ghi chú:

- Việc rà soát, cập nhật hàng năm đối với mỗi di tích đã được kiểm kê trong Danh mục kiểm kê di tích thì định mức hao phí tính cho mỗi di tích được rà soát, cập nhật được tính bằng định mức hao phí 01 di tích kiểm kê nhân với hệ số $K = 0,5$.

- Trường hợp di tích kiểm kê gồm nhiều di tích thành phần thì định mức hao phí tính cho mỗi di tích thành phần được tính bằng định mức hao phí 01 di tích kiểm kê nhân với hệ số $K = 0,7$.

- Đối với các nội dung công việc mà hạng, bậc di sản viên tham gia phải tính theo thực tế, đơn vị thực hiện dịch vụ kiểm kê di tích phải căn cứ vào điều kiện, tính chất cụ thể của công tác để lập định mức riêng phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

2.1. Mô tả thành phần công việc

Cho 01 di tích lập hồ sơ khoa học

TT	Nội dung công việc	Hạng, bậc di sản viên tham gia
1	Thu thập, tổng hợp thông tin liên quan đến di tích	Di sản viên hạng III (bậc 1) và tương đương
2	Điều tra khảo sát sơ bộ di tích	Di sản viên hạng III (bậc 2) và tương đương
3	Thu thập và hoàn thiện Lý lịch di tích theo Mẫu số 08 Phụ lục I Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ	Di sản viên hạng III (bậc 5) và tương đương
4	Lập Biên bản, Bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích	Di sản viên hạng III (bậc 3) và tương đương
5	Chụp ảnh màu khảo tả di tích, hiện vật thuộc di tích	Di sản viên hạng III (bậc 1) và tương đương
6	Lập Bản vẽ kỹ thuật di tích	Di sản viên hạng III (bậc 5) và tương đương
7	Thực hiện việc ghi âm, ghi hình tại di tích	Di sản viên hạng III (bậc 1) và tương đương
8	Lập Bản thống kê hiện vật thuộc di tích theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ	Di sản viên hạng III (bậc 3) và tương đương
9	Dập, dịch văn bia, câu đối, đại tự và các tài liệu Hán Nôm hoặc tài liệu bằng các loại ngôn ngữ khác có ở di tích	
a)	<i>Dập văn bia, câu đối, đại tự, tài liệu Hán Nôm và các tài liệu bằng các loại ngôn ngữ khác</i>	Di sản viên hạng III (bậc 1) và tương đương
b)	<i>Phiên âm, dịch nghĩa văn bản tài liệu Hán Nôm hoặc các tài liệu bằng các loại ngôn ngữ khác</i>	Di sản viên hạng III (bậc 5) và tương đương
10	Tập hợp và lập thư mục tài liệu tham khảo về di tích	Di sản viên hạng III (bậc 2) và tương đương

11	Tổng hợp thông tin hoàn thiện bản thuyết minh tóm tắt	Di sản viên hạng III (bậc 4) và tương đương
12	Tổng hợp tư liệu, lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích	Di sản viên hạng III (bậc 6) và tương đương
13	Lấy ý kiến hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích	Di sản viên hạng III (bậc 4) và tương đương
14	Hoàn thiện hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích	Di sản viên hạng III (bậc 6) và tương đương

2.2. Bảng định mức

Đơn vị tính: 01 hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh

TT	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Trị số định mức hao phí
1	2	3	4
1	Nhân công		
	Lao động trực tiếp		
	Di sản viên Hạng III (bậc 1)	Công	11
	Di sản viên Hạng III (bậc 2)	Công	3
	Di sản viên Hạng III (bậc 3)	Công	7
	Di sản viên Hạng III (bậc 4)	Công	6
	Di sản viên Hạng III (bậc 5)	Công	15
	Di sản viên Hạng III (bậc 6)	Công	10
	Nhân công lao động gián tiếp <i>(tương đương 15%)</i>		
2	Máy móc, thiết bị sử dụng		
	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
	Máy in Laser A4	Ca	Theo thực tế
	Máy ảnh kỹ thuật số	Ca	Theo thực tế
	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
	Máy ghi hình	Ca	Theo thực tế
	Thiết bị lưu trữ	Cái	Theo thực tế
3	Vật liệu sử dụng		
	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế

	Giấy in ảnh	Tờ	Theo thực tế
	Mực in	Hộp	Theo thực tế
	Vật liệu phụ (tương đương 10%)		

Ghi chú:

- Trường hợp lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích quốc gia thì định mức hao phí được tính bằng định mức hao phí lập 01 hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh nhân với hệ số $K = 1,5$.

- Trường hợp lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt thì định mức hao phí được tính bằng định mức hao phí lập 01 hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh nhân với hệ số $K = 2,0$.

- Trường hợp di tích gồm nhiều di tích thành phần thì định mức hao phí cho mỗi di tích thành phần được tính bằng định mức hao phí lập 01 hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích cấp tỉnh hoặc di tích quốc gia hoặc di tích quốc gia đặc biệt nhân với hệ số $K = 0,7$.

- Đối với các nội dung công việc mà hạng, bậc di sản viên tham gia phải tính theo thực tế, đơn vị thực hiện dịch vụ lập hồ sơ khoa học đề nghị xếp hạng di tích phải căn cứ vào điều kiện, tính chất cụ thể của công tác để lập định mức riêng phù hợp với quy định của pháp luật.